

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 36

...  
KII  
...

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr.	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên
Bà Cecilia T. Cruzabra	Thành viên
Bà Marsha Emelinda Q. Santos	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trưởng ban (bỏ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên
Ông Lawrence G. Velasco	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông John Walter E. Tendencia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Alvin S. Evangelista	Giám đốc Kiểm soát tài chính (miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2021)

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc Công ty.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Thành**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022

123  
NG  
NHI  
ÁN C  
NH  
: G  
: P.T

Số: 1402/2022/BCKT-ICPA.SG

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2022, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 291.305.691.420 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 83.170.267.075 đồng (năm 2020 lỗ 94.966.197.003 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 63.448.356.085 đồng (năm 2020 âm 90.748.578.945 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn, thanh lý tài sản. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Lương Giang Thạch**  
Phó Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2178-2018-072-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ**  
**CHI NHÁNH SÀI GÒN**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022

**Trần Thị Xuân Tước**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: N.4184-2022-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

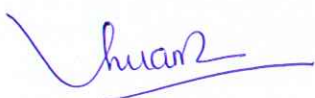
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>129.270.642.564</b>	<b>138.091.842.691</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>38.221.090.353</b>	<b>1.826.577.838</b>
1. Tiền	111		38.221.090.353	1.826.577.838
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65.081.924.831</b>	<b>110.643.015.481</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.172.148.844	7.517.444.339
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	94.861.088.338	76.596.727.985
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	329.343.184	49.100.868.757
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(39.280.655.535)	(23.604.338.271)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.032.312.671
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>5.959.680.228</b>	<b>5.562.599.500</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.959.680.228	5.562.599.500
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.007.947.152</b>	<b>20.059.649.872</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	244.481.017	7.772.479
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.080.496.177	10.368.907.435
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	9.682.969.958	9.682.969.958
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.547.176.204.084</b>	<b>2.614.645.471.738</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>105.000.000</b>	<b>243.400.000</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		100.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	5.000.000	243.400.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.506.040.767.965</b>	<b>1.566.837.764.596</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.504.478.537.424	1.565.296.540.295
- Nguyên giá	222		1.819.790.962.525	1.813.623.248.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(315.312.425.101)	(248.326.708.144)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.562.230.541	1.541.224.301
- Nguyên giá	228		2.065.354.180	1.850.354.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(503.123.639)	(309.129.879)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>238.905.197</b>	<b>238.905.197</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		238.905.197	238.905.197
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>1.032.713.183.611</b>	<b>1.037.324.902.762</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		819.400.000.000	819.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		139.259.788.611	139.259.788.611
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		143.153.395.000	143.153.395.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(69.100.000.000)	(64.488.280.849)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.078.347.311</b>	<b>10.000.499.183</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.411.916.040	3.330.455.892
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.11	6.666.431.271	6.670.043.291
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.676.446.846.648</b>	<b>2.752.737.314.429</b>

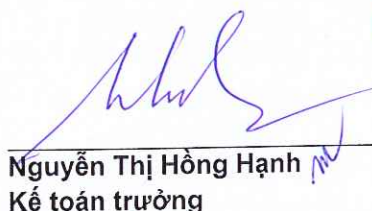
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.770.793.939.996</b>	<b>1.763.914.140.702</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>420.576.333.984</b>	<b>348.676.534.690</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	29.278.149.355	29.761.331.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		125.276.626	178.969.304
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	71.720.592	148.420.839
4. Phải trả người lao động	314		1.224.108.483	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	16.934.055.956	11.182.271.836
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	6.795.984.431	838.987.630
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	365.952.184.611	304.920.699.995
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		194.853.930	1.645.853.930
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.350.217.606.012</b>	<b>1.415.237.606.012</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	850.000.000.000	850.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	500.217.606.012	565.237.606.012
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.17</b>	<b>905.652.906.652</b>	<b>988.823.173.727</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>905.652.906.652</b>	<b>988.823.173.727</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.221.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.221.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	161.811.551.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.623.462.173	16.623.462.173
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.996.852.879	165.167.119.954
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		165.167.119.954	260.133.316.957
- Lỗ sau thuế năm nay	421b		(83.170.267.075)	(94.966.197.003)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>2.676.446.846.648</b>	<b>2.752.737.314.429</b>



Hồ Thị Xuân  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022



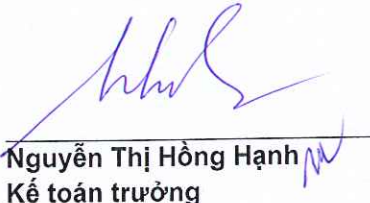
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92.624.546.686	82.840.933.999
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>92.624.546.686</b>	<b>82.840.933.999</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	135.048.899.033	127.774.106.394
5. <b>Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>(42.424.352.347)</b>	<b>(44.933.172.395)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	79.984.702.554	97.686.798.877
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	88.290.597.636	100.557.989.216
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		82.903.054.480	85.016.128.417
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.902.957.549	9.559.881.013
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.528.842.900	38.553.829.073
10. <b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>(82.162.047.878)</b>	<b>(95.918.072.820)</b>
11. Thu nhập khác	31		33.271.393	973.056.546
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.041.490.590	21.180.729
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.008.219.197)</b>	<b>951.875.817</b>
14. <b>Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(83.170.267.075)</b>	<b>(94.966.197.003)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(83.170.267.075)</b>	<b>(94.966.197.003)</b>



Hồ Thị Xuân  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



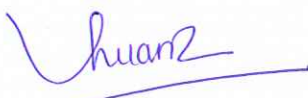
Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2021		2020	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
1. Lỗ nhuận trước thuế	01	(83.170.267.075)		(94.966.197.003)	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	67.179.710.717		66.235.489.558	
Các khoản dự phòng	03	20.288.036.415		35.237.906.631	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(79.555.144.913)		(97.297.467.271)	
Chi phí lãi vay	06	83.662.354.480		85.775.428.417	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.404.689.624		(5.014.839.668)	
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(373.923.760)		751.541.953	
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(393.468.708)		463.017.473	
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.156.970.511		(1.075.966.002)	
Giảm chi phí trả trước	12	1.681.831.314		2.719.625.628	
Tiền lãi vay đã trả	14	(72.473.455.066)		(86.209.258.467)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.451.000.000)		(2.382.699.862)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(63.448.356.085)</b>		<b>(90.748.578.945)</b>	
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.749.969.328)		(13.183.066.414)	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.000.000.000)		(19.100.000.000)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	35.751.750.888		80.600.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	97.588.902.429		72.907.419.417	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>104.590.683.989</b>		<b>121.224.353.003</b>	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-		103.157.600	
2. Tiền thu từ đi vay	33	177.389.622.486		193.300.000.000	
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(182.137.437.875)		(228.150.000.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(4.747.815.389)</b>		<b>(34.746.842.400)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50	<b>36.394.512.515</b>		<b>(4.271.068.342)</b>	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.826.577.838		6.097.646.180	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	38.221.090.353		1.826.577.838	

  
Hồ Thị Xuân  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và thay đổi lần thứ 18 ngày 6 tháng 8 năm 2020 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.221.040.000 VND, được chia thành 64.522.104 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SII.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 122 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 129).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xử lý và cung cấp nước sạch.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào sáu (6) công ty con và hai (2) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku (i)	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
5. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch
6. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật
<b>Công ty liên kết</b>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43,00%	43,00%	Xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49,00%	49,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(i) Ngày 22 tháng 2 năm 2022, Công ty đã thoái vốn một phần trong Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku, tỷ lệ sở hữu giảm từ 55% xuống còn 49%, Công ty Pleiku trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 291.305.691.420 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 83.170.267.075 đồng (năm 2020 lỗ 94.966.197.003 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 63.448.356.085 đồng (năm 2020 âm 90.748.578.945 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn, thanh lý tài sản. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này như sau:

- Đối với dự án Củ Chi: Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất nhằm tăng sản lượng nước bán ra và tăng giá bán bình quân. Công ty tiếp tục làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các sở ban ngành, ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy việc sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Ngoài ra, Công ty sẽ tăng cường các biện pháp giảm thất thoát nước, kiểm soát chi phí hoạt động.
- Dự kiến thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia nhằm cải thiện khả năng thanh toán, nguồn tiền dôi dư sẽ dùng để thanh toán nợ cho Công ty mẹ CII.
- Trong năm 2022 Công ty dự kiến sẽ nhận được cổ tức bằng tiền từ Công ty nước Tân Hiệp (61,92 tỷ đồng), Công ty BOO nước Thủ Đức (9 tỷ đồng) và Công ty nước Gia Lai (2,75 tỷ đồng).
- Công ty tiếp tục tìm kiếm các đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty nước An Khê nhằm thu hồi vốn đầu tư, cải thiện khả năng thanh toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và tin tưởng rằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư cũng như sự tiếp tục hỗ trợ vốn từ Công ty mẹ sẽ giúp Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

**Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là các thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường nên không được phân loại là hàng tồn kho. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

1. Tiền	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	899.525.627	72.199.107
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.321.564.726	1.754.378.731
<b>Cộng</b>	<b>38.221.090.353</b>	<b>1.826.577.838</b>
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	8.372.148.844	6.717.444.339
Các đối tượng khác	800.000.000	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.172.148.844</b>	<b>7.517.444.339</b>
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	89.352.600.392	71.644.417.355
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	5.408.487.946	4.852.310.630
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>94.861.088.338</b>	<b>76.596.727.985</b>
 (i) Đây là khoản hỗ trợ vốn với hạn mức 73,2 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong năm là 11% đến 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2022.		
 (ii) Đây là khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.		
4. Phải thu khác	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	238.400.000	-
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư	-	20.700.373.374
Phải thu tiền lãi trả chậm	-	28.349.495.383
Tạm ứng cho nhân viên	-	40.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	90.943.184	11.000.000
<b>Cộng</b>	<b>329.343.184</b>	<b>49.100.868.757</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	5.000.000	243.400.000
<b>Trong đó, phải thu khác các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	40.000.000	11.000.000
Công ty CII	-	49.049.868.757
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000</b>	<b>49.060.868.757</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.614.913.040	484.338.880	5.107.446.325	235.027.311
Phải thu về cho vay ngắn hạn	94.761.088.338	60.611.006.963	63.558.672.894	44.826.753.637
<b>Cộng</b>	<b>100.376.001.378</b>	<b>61.095.345.843</b>	<b>68.666.119.219</b>	<b>45.061.780.948</b>
				Dự phòng VND
				(4.872.419.014)
				(18.731.919.257)
				<b>(23.604.338.271)</b>

**Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm	(23.604.338.271)	(3.024.221.919)
Trích lập dự phòng bổ sung	(15.676.317.264)	(20.580.116.352)
<b>Số dư tại ngày cuối năm</b>	<b>(39.280.655.535)</b>	<b>(23.604.338.271)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.959.680.228	-	5.562.599.500	-
<b>Cộng</b>	<b>5.959.680.228</b>	<b>-</b>	<b>5.562.599.500</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo trì phần mềm	162.916.667	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	47.441.668	5.568.179
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	34.122.682	2.204.300
<b>Cộng</b>	<b>244.481.017</b>	<b>7.772.479</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	973.461.949	2.779.854.582
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.515.871	9.677.277
Chi phí trả trước dài hạn khác	419.938.220	540.924.033
<b>Cộng</b>	<b>1.411.916.040</b>	<b>3.330.455.892</b>
<b>Tổng cộng chi phí trả trước</b>	<b>1.656.397.057</b>	<b>3.338.228.371</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dung cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2021	96.532.991.903	1.715.677.247.445	1.413.009.091	1.813.623.248.439
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	6.167.714.086	-	6.167.714.086
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>96.532.991.903</b>	<b>1.721.844.961.531</b>	<b>1.413.009.091</b>	<b>1.819.790.962.525</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2021	19.305.207.466	228.630.315.528	391.185.150	248.326.708.144
Khấu hao trong năm	4.826.721.624	62.006.194.425	152.800.908	66.985.716.957
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>24.131.929.090</b>	<b>290.636.509.953</b>	<b>543.986.058</b>	<b>315.312.425.101</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2021	77.227.784.437	1.487.046.931.917	1.021.823.941	1.565.296.540.295
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>72.401.062.813</b>	<b>1.431.208.451.578</b>	<b>869.023.033</b>	<b>1.504.478.537.424</b>

Tài sản cố định hữu hình của công ty chủ yếu được hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ VND, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 600.000.000.000 VND, Dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.795.975.020.258 VND, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.342.147.423.599 VND và giai đoạn 2 là 453.827.596.659 VND.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.432.821.701 VND và tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 822.399.996 VND.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.795.975.020.258 VND và tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 1.795.975.020.258 VND (xem thêm tại *Thuyết minh V.16*).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

<b>9.</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>Chương trình phần mềm VND</b>
	<b>Nguyên giá</b>	
	Tại ngày 01/01/2021	1.850.354.180
	Mua trong năm	215.000.000
	<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>2.065.354.180</b>
	<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
	Tại ngày 01/01/2021	309.129.879
	Khấu hao trong năm	193.993.760
	<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>503.123.639</b>
	<b>Giá trị còn lại</b>	
	Tại ngày 01/01/2021	1.541.224.301
	<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>1.562.230.541</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 1.760.000.000 VND (*xem thêm tại Thuyết minh V.16*).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính	01/01/2021							
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Dài hạn</b>								
<b>Đầu tư vào công ty con</b>								
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	32.117.400	321.174.000.000	-	(i)	32.117.400	321.174.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	-	220.000.000.000	-	(i)	-	220.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	9.180.000	121.176.000.000	-		9.180.000	121.176.000.000	-	146.980.980.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	9.000.000	105.000.000.000	-		9.000.000	105.000.000.000	-	157.959.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.950.000	49.500.000.000	(49.500.000.000)		4.950.000	49.500.000.000	(44.888.280.849)	6.930.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000	-	(i)	25.500	2.550.000.000	-	(i)
<b>Cộng</b>	<b>55.272.900</b>	<b>819.400.000.000</b>	<b>(49.500.000.000)</b>		<b>55.272.900</b>	<b>819.400.000.000</b>	<b>(44.888.280.849)</b>	

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty con được Công ty định giá theo phương pháp chiết khấu dòng tiền. Phương pháp và cách thức xác định giá trị hợp lý của Công ty dựa trên việc áp dụng tiệm cận chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và thông lệ quốc tế về giá trị hợp lý.

(i) Giá trị hợp lý của các công ty này không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá gốc của khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý.

Vốn điều lệ đã góp vào các Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi và Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN đã được các công ty con sử dụng để góp vốn hợp tác đầu tư với công ty mẹ (xem chi tiết tại *Thuyết minh V.15*).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**10. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Dài hạn (tiếp theo)	31/12/2021		01/01/2021		Giá trị hợp lý VND
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (i)	10.320.000	119.659.788.611	-	119.659.788.611	-
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)	19.600.000.000	(19.600.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>12.280.000</b>	<b>139.259.788.611</b>	<b>(19.600.000.000)</b>	<b>139.259.788.611</b>	<b>(19.600.000.000)</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>					
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	409.114	143.153.395.000	-	143.153.395.000	-
				(ii)	(ii)

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp được Công ty định giá theo phương pháp chiết khấu dòng tiền từ cổ tức. Phương pháp và cách thức xác định giá trị hợp lý của Công ty dựa trên việc áp dụng tiệm cận chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và thông lệ quốc tế về giá trị hợp lý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, 10.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp đang được dùng để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu CIIB2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ của Công ty.

(ii) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá gốc của khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**11. Thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	6.666.431.271	-	6.670.043.291	-
<b>Cộng</b>	<b>6.666.431.271</b>	<b>-</b>	<b>6.670.043.291</b>	<b>-</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người bán không phải là bên liên quan	29.278.149.355	29.278.149.355	29.761.331.156	29.761.331.156
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	15.286.822.162	15.286.822.162	17.600.875.957	17.600.875.957
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	8.694.411.891	8.694.411.891	7.556.736.891	7.556.736.891
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.136.630.836	3.136.630.836	3.248.277.836	3.248.277.836
Các nhà cung cấp khác	2.160.284.466	2.160.284.466	1.355.440.472	1.355.440.472
<b>Cộng</b>	<b>29.278.149.355</b>	<b>29.278.149.355</b>	<b>29.761.331.156</b>	<b>29.761.331.156</b>

**13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.682.969.958	-	-	9.682.969.958
<b>b. Phải trả</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	124.931.865	440.120.912	521.235.560	43.817.217
Phí bảo vệ môi trường	23.488.974	329.386.794	324.972.393	27.903.375
Thuế nhà thầu	-	182.325.000	182.325.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	12.177.919	12.177.919	-
<b>Cộng</b>	<b>148.420.839</b>	<b>964.010.625</b>	<b>1.040.710.872</b>	<b>71.720.592</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay	15.299.981.563	10.821.195.284
Các khoản trích trước khác	1.634.074.393	361.076.552
<b>Cộng</b>	<b><u>16.934.055.956</u></b>	<b><u>11.182.271.836</u></b>
15. Phải trả khác	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Phải trả chi phí sử dụng vốn	5.954.511.765	3.698.630
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	835.289.000	835.289.000
Phải trả khác	6.183.666	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.795.984.431</u></b>	<b><u>838.987.630</u></b>
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty CII	5.865.560.294	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	88.951.471	3.698.630
<b>Cộng</b>	<b><u>5.865.560.294</u></b>	<b><u>3.698.630</u></b>
<b>b. Phải trả dài hạn khác</b>		
Vốn hợp tác đầu tư (i)	<u>850.000.000.000</u>	<u>850.000.000.000</u>
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	220.000.000.000	220.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>850.000.000.000</u></b>	<b><u>850.000.000.000</u></b>
<b>Tổng cộng phải trả khác</b>	<b><u>856.795.984.431</u></b>	<b><u>850.838.987.630</u></b>

## (i) Chi tiết khoản vốn hợp tác đầu tư bao gồm:

Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi với số tiền 630 tỷ VND để thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi.

Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN với số tiền 220 tỷ VND, theo đó Công ty sẽ tìm kiếm các công ty hoạt động trong ngành nước và các ngành liên quan đến ngành nghề kinh doanh của các bên để đầu tư dưới hình thức mua lại cổ phần, phần vốn góp nhằm mục đích tham gia quản lý điều hành tại công ty mục tiêu. Công ty sẽ phân chia lại lợi nhuận khi nhận được lợi nhuận từ công ty mục tiêu theo tỷ lệ 50:50 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

**16. Vay và nợ thuế tài chính**

**a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Khoản vay bên liên quan</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	279.942.562.125	279.942.562.125	170.400.000.000	50.957.437.875	160.500.000.000	160.500.000.000
Công ty Cổ phần Cấp Nước Sài Gòn Đan Kìa	6.989.622.486	6.989.622.486	6.989.622.486	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Khoản vay các bên khác</b>						
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả ( <i>xem thuyết minh b</i> )	79.020.000.000	79.020.000.000			54.180.000.000	54.180.000.000
Trái phiếu đến hạn ( <i>xem thuyết minh b</i> )	-	-			84.240.699.995	85.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>365.952.184.611</b>	<b>365.952.184.611</b>	<b>177.389.622.486</b>	<b>56.957.437.875</b>	<b>304.920.699.995</b>	<b>305.680.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Phát sinh trong năm				Giá trị có khả năng thanh toán VND
	31/12/2021	01/01/2021	Tăng VND	Giảm VND	
<b>Vay ngân hàng</b>					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	579.237.606.012	579.237.606.012	-	40.180.000.000	619.417.606.012
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(79.020.000.000)	(79.020.000.000)			(54.180.000.000)
<b>Trái phiếu</b>					
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
Chi phí phát hành	-	-	-	(759.300.000)	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	<b>125.939.300.000</b>	<b>85.000.000.000</b>
Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng	-	-		(85.000.000.000)	(85.000.000.000)
Cộng: Chi phí phát hành trái phiếu kết chuyển trong 12 tháng	-	-		759.300.000	-
<b>Cộng</b>	<b>500.217.606.012</b>	<b>500.217.606.012</b>	-	<b>125.939.300.000</b>	<b>565.237.606.012</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	279.942.562.125	12 tháng	23/05/2022	Lãi suất trong kỳ cố định 11,5%/năm	Thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu và bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Sài Gòn Đan Kia	6.989.622.486	12 tháng	24/09/2022	9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	417.817.939.474	126 tháng	06/04/2026	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,5% và 9,6% theo từng khế ước	Tài trợ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi. Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn đầu tư vào dự án Diamond Riverside ký ngày 26 tháng 8 năm 2013 với Công ty CII.
	161.419.666.538	180 tháng	28/06/2032			

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**Lịch thanh toán nợ vay ngân hàng**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trong vòng một năm	79.020.000.000	54.180.000.000
Trong năm thứ hai	90.920.000.000	65.020.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	277.377.939.474	299.350.000.000
Sau năm năm	131.919.666.538	200.867.606.012
	<b>579.237.606.012</b>	<b>619.417.606.012</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(79.020.000.000)	(54.180.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>500.217.606.012</b>	<b>565.237.606.012</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>645.160.000.000</b>	<b>162.330.434.000</b>	<b>14.050.117.118</b>	<b>265.280.007.067</b>	<b>1.086.820.558.185</b>
Tăng vốn trong năm	61.040.000	(518.882.400)	-	-	(457.842.400)
Lỗ trong năm	-	-	-	(94.966.197.003)	(94.966.197.003)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.573.345.055	(2.573.345.055)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.573.345.055)	(2.573.345.055)
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>645.221.040.000</b>	<b>161.811.551.600</b>	<b>16.623.462.173</b>	<b>165.167.119.954</b>	<b>988.823.173.727</b>
Lỗ trong năm	-	-	-	(83.170.267.075)	(83.170.267.075)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>645.221.040.000</b>	<b>161.811.551.600</b>	<b>16.623.462.173</b>	<b>81.996.852.879</b>	<b>905.652.906.652</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)

**17. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	64.522.104	64.522.104
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.522.104	64.522.104
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104	64.522.104
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**c. Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2021, Công ty không chia cổ tức và trích lập quỹ năm 2020.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2021	2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	91.553.311.350	80.663.895.376
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.071.235.336	2.177.038.623
<b>Cộng</b>	<b>92.624.546.686</b>	<b>82.840.933.999</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	2021	2020
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	134.269.175.588	125.929.716.240
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	779.723.445	1.844.390.154
<b>Cộng</b>	<b>135.048.899.033</b>	<b>127.774.106.394</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG** (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Cổ tức được chia	78.834.508.000	54.622.280.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	560.648.548	6.741.652.377
Chiết khấu thanh toán	429.557.641	389.331.606
Lãi chậm thanh toán	159.988.365	6.242.334.894
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	-	29.691.200.000
<b>Cộng</b>	<b>79.984.702.554</b>	<b>97.686.798.877</b>

*Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	67.080.000.000	46.440.000.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai	2.754.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	551.377.514	-
Công ty CII	159.988.365	6.242.334.894
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	-	6.164.917.400
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	-	497.157.203
<b>Cộng</b>	<b>70.545.365.879</b>	<b>59.344.409.497</b>

**4. Chi phí tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	82.903.054.480	85.016.128.417
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	4.611.719.151	14.657.790.279
Chi phí phát hành trái phiếu	759.300.005	759.300.000
Chi phí tài chính khác	16.524.000	124.770.520
<b>Cộng</b>	<b>88.290.597.636</b>	<b>100.557.989.216</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty CII	28.158.979.541	11.905.561.643
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	173.341.883	3.698.630
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	-	172.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.332.321.424</b>	<b>12.081.260.273</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	9.100.878.569	8.835.689.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	317.794.664	308.836.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	474.856.271	410.546.092
Các khoản chi phí khác	9.428.045	4.808.980
<b>Cộng</b>	<b>9.902.957.549</b>	<b>9.559.881.013</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG** (tiếp theo)

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.468.139.463	12.284.079.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	496.848.132	599.856.915
Chi phí dự phòng	5.911.956.911	20.580.116.352
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	1.320.000.000	1.265.000.000
Các khoản chi phí khác	3.331.898.394	3.824.776.108
<b>Cộng</b>	<b>21.528.842.900</b>	<b>38.553.829.073</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	80.238.690	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	-	60.000.000
<b>Cộng</b>	<b>80.238.690</b>	<b>60.000.000</b>

**7. Chi phí khác**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí xử lý tài sản thiếu chờ xử lý	1.032.312.671	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	9.177.919	21.180.729
<b>Cộng</b>	<b>1.041.490.590</b>	<b>21.180.729</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2021 VND	2020 VND
<b>Lỗi kế toán trước thuế</b>	<b>(83.170.267.075)</b>	<b>(94.966.197.003)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	63.063.884.035	58.589.154.510
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(78.834.508.000)	(54.622.280.000)
<b>Lỗi tính thuế</b>	<b>(98.940.891.040)</b>	<b>(90.999.322.493)</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

Công ty con

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia

Công ty con

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku

Công ty con

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi

Công ty con

Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN

Công ty con

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro

Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê

Công ty liên kết

Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty liên doanh của tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Hương Trà

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC

Công ty trong cùng tập đoàn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với bên liên quan như sau:

	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	170.400.000.000	185.300.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	3.373.608.150	5.000.000.000
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	20.667.391.850	-
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	8.500.000.000	19.100.000.000
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	14.500.000.000	-
Nhận lại tiền hỗ trợ vốn	15.051.377.514	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	6.989.622.486	7.000.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	4.500.000.000
Nhận tiền cổ tức	-	6.300.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp</b>		
Nhận tiền cổ tức	67.080.000.000	20.640.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	29.000.000	11.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm</b>		
	2021 VND	2020 VND
Lương	3.708.363.491	4.300.700.000
Thưởng và các khoản thu nhập khác	170.000.000	903.576.500
<b>Cộng</b>	<b>3.878.363.491</b>	<b>5.204.276.500</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/SGW-HĐQT-NQ ngày 20/01/2022 đã thông qua phương án thoái vốn một phần tại Công ty Cổ Phần Cấp Nước Sài Gòn Pleiku (Công ty Pleiku).

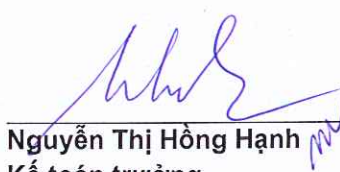
Ngày 22 tháng 2 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 540.000 cổ phần (tương đương 6%) vốn góp của Công ty Pleiku. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Pleiku giảm còn 49%, đồng thời Công ty Pleiku không còn là công ty con của Công ty và trở thành công ty đầu tư liên doanh liên kết của Công ty từ ngày 22 tháng 2 năm 2022.

**4. Số liệu so sánh**


Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.



Hồ Thị Xuân  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022